

Số: /GCN-SXD

Đắk Lắk, ngày tháng 7 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 003/2025/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk, quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk;

Xét hồ sơ đăng ký cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Sản xuất - Xây Dựng và Thương Mại Huy Phương; Biên bản đánh giá ngày 11/7/2025 và báo cáo khắc phục ngày 16/7/2025.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Sản Xuất - Xây Dựng và Thương Mại Huy Phương

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400104473, đăng ký lần đầu ngày 09/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 26/6/2025. Cơ quan cấp Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Phú Yên (nay là Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk).

Địa chỉ: Thôn Liên Trì 2, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên (nay là phường Bình Kiến, tỉnh Đắk Lắk).

Điện thoại: 0257 6271079

E-mail:haopham@nbmgroun.vn

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Kiểm định xây dựng**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Thôn Phú Thạnh, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD DAL 001.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH SX -XD và TM Huy Phương;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- GD, các PGĐ Sở;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, QLCLCT (NVV).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Lập

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL 001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 7 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
1	THÍ NGHIỆM XI MĂNG	
-	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng.	TCVN 13605:2023
-	Cường độ nén, uốn của xi măng.	TCVN 6016:2011
-	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích.	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012
-	Xác định giới hạn bền nén bằng phương pháp nhanh.	TCVN 3736:1987
-	Xác định độ bền sulfat.	TCVN 6067:2018
-	Xác định độ nở sulfat tiềm tàng.	TCVN 6068:2018
2	CỐT LIỆU TRONG BÊ TÔNG VÀ VỮA, ĐÁ DẼM, SỎI	
-	Xác định thành phần hạt; thành phần thạch học; khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước; khối lượng thể tích xốp và độ hong; độ ẩm; hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; tạp chất hữu cơ; cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles; hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn; hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa; hàm lượng hạt bị đập vỡ; hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ; hàm lượng silic oxít vô định hình; khả năng phản ứng kiềm – silic; hàm lượng clorua; hàm lượng sunfat, sunfit trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-2÷20:2006
-	Xác định giá trị đương lượng cát.	TCVN 14134:2024; AASHTO 176
3	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
-	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử.	TCVN 3105:2022
-	Xác định độ sụt.	TCVN 3106:2022
-	Xác định độ cứng vebe.	TCVN 3107:2022
-	Xác định khối lượng thể tích.	TCVN 3115:2022
-	Xác định độ tách vữa và độ tách nước.	TCVN 3109:2022
-	Xác định thành phần.	TCVN 3110:1993
-	Xác định hàm lượng bọt khí.	TCVN 3111:2022
-	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng.	TCVN 3112:2022
-	Xác định độ hút nước.	TCVN 3113:2022
-	Xác định độ mài mòn.	TCVN 3114:2022

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL 001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 7 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Xác định độ chống thấm nước.	TCVN 3116:2022
-	Xác định độ co.	TCVN 3117:2022
-	Xác định cường độ chịu nén.	TCVN 3118:2022
-	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn.	TCVN 3119:2022
-	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ.	TCVN 3120:2022
-	Xác định cường độ lắng trụ, mô đun đàn hồi và hệ số Poisson.	TCVN 5726:2022
-	Xác định thời gian đông kết.	TCVN 9338:2012
4	GẠCH XÂY	
-	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; cường độ uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; độ rỗng; độ vết tróc do vôi.	TCVN 6355-1÷7:2009
5	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
-	Kiểm tra kích thước và sai lệch kích thước; khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn.	TCVN 6476:1999
6	GẠCH BÊ TÔNG	
-	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ chịu nén; độ hút nước; độ rỗng; độ thấm nước.	TCVN 6477:2016
7	BÊ TÔNG BỌT KHÍ KHÔNG CHỪNG ÁP	
-	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ ẩm và khối lượng thể tích khô.	TCVN 9030:2017
8	GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỪNG ÁP (AAC/ALC)	
-	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; khối lượng thể tích khô; cường độ nén.	TCVN 7959:2017
9	THỬ NGHIỆM GẠCH GÓM ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT	
-	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt.	TCVN 6415-1:2016
-	Xác định độ hút nước.	TCVN 6415-3:2016
-	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy.	TCVN 6415-4:2016
-	Xác định độ bền mài mòn bề mặt.	TCVN 6415-7:2016
-	Xác định độ bền chống bám bẩn.	TCVN 6415-14:2016
-	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs.	TCVN 6415-18:2016

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL 001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 7 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
10	ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN	
-	Kiểm tra sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ hút nước; khối lượng thể tích; độ bền uốn; độ chịu mài mòn bề mặt.	TCVN 4732:2016
11	GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
-	Kiểm tra kích thước ngoại quan; độ mài mòn lớp mặt; độ hút nước; độ chịu lực va đập xung kích; tải trọng uốn gãy toàn viên; độ cứng lớp bề mặt gạch.	TCVN 6065:1995
12	GẠCH LÁT GRANITO	
-	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; độ mài mòn lớp mặt; độ chịu lực xung kích; độ cứng lớp mặt.	TCVN 6074:1995
13	GẠCH TERAZO	
-	Thí nghiệm kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ chịu mài mòn; độ bền uốn; độ hút nước.	TCVN 7744:2013
14	CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
-	Xác định độ khô và hàm lượng nước.	TCVN 6648:2000
-	Xác định khối lượng riêng.	TCVN 4195:2012
-	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm.	TCVN 4196:2012
-	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo.	TCVN 14134-4:24
-	Xác định thành phần hạt.	TCVN 14134-3:24
-	Xác định khối lượng thể tích.	TCVN 4202:2012
-	Xác định chỉ số CBR trong phòng thí nghiệm.	TCVN 12792:2020
-	Xác định độ chặt tiêu chuẩn đất, đá dăm.	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020
-	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời.	TCVN 8721:2012
-	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời.	TCVN 8724:2012
-	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất.	TCVN 8726:2012
-	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính.	TCVN 8862:2011
-	Thí nghiệm hệ số thấm K đất trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8723:2012
-	Xác định sức chống cắt trong phòng thí nghiệm ở máy cắt phẳng.	TCVN 4199:1995; TCVN 8725:2012
-	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4200:2012

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL 001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 7 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166:01
15	VẬT LIỆU KIM LOẠI - LIÊN KẾT HÀN	
-	Thử kéo	TCVN 197:2014
-	Thử uốn	TCVN 198:2008
-	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010
-	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử kéo	TCVN 5403:1991; TCVN 197:2014
-	Thử kéo dây kim loại, thử xoắn.	TCVN 1824:1993; TCVN 1825:2009
-	Kiểm tra kích thước bu long; thử kéo bu long, cắt bu long, thử kéo trên đệm nghiên, thân bu long và đai ốc, độ giãn dài.	TCVN 1916:1995; TCVN 197:2014
-	Kiểm tra chất lượng hàn ống – Thử nén dẹt.	TCVN 5402:2010; TCVN 197:2014
-	Thử kéo cáp thép.	TCVN 197:2014
-	Chiều dày lớp mạ kẽm.	TCVN 5408:2007
16	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
-	Thí nghiệm độ ổn định, độ dẻo Marshall; hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết máy quay li tâm; thành phần hạt của bê tông nhựa; tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; độ chảy nhựa; độ góc cạnh của cát; hệ số độ chặt lu lèn; độ rỗng dư; độ rỗng cốt liệu; độ rỗng lấp đầy nhựa; độ ổn định còn lại của bê tông nhựa.	TCVN 8860-1÷12:2011
17	VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
-	Xác định thành phần hạt, độ ẩm, chỉ số dẻo; lượng mất khi nung; khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ rỗng; hệ số hao nước; hàm lượng chất hòa tan; độ trương nở thể tích; chỉ số về hàm lượng nhựa.	22TCN 58:1984; TCVN 12884:2020
18	NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GÓC AXIT	
-	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ; hàm lượng hạt quá cỡ; độ khử nhũ; trộn với xi măng; độ dính bám và tính chịu nước; khả năng trộn lẫn với nước; độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường; nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh; nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm; độ ổn định lưu trữ.	TCVN 8817:2011; TCVN 11195:2021

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL 001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 7 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
19	NHỰA ĐƯỜNG	
-	Xác định độ kim lún ở 25 ⁰ C của nhựa đường.	TCVN 7495:2005
-	Xác định độ kéo dài ở 25 ⁰ C của nhựa đường.	TCVN 7496:2005
-	Xác định điểm hóa mềm (dụng cụ vòng và bi).	TCVN 7497:2005
-	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy (cốc mở Cleveland).	TCVN 7498:2005
-	Xác định độ tồn thất sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C trong 5h.	TCVN 7499:2005
-	Xác định độ hòa tan trong Trichloroethylene.	TCVN 7500:2023
-	Xác định khối lượng riêng ở 25 ⁰ C	TCVN 7501:2005
-	Xác định độ dính bám với đá.	TCVN 7504:2005
20	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
-	Màu sắc và mùi vị; độ vẩn dầu mỡ.	TCVN 4558:1988; TCVN 4506:2012
-	Xác định hàm lượng cặn không tan.	TCVN 4560:1988
-	Xác định hàm lượng muối hòa tan.	TCVN 4560:1988
-	Độ PH của nước.	TCVN 6492:2011
-	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻).	TCVN 6194:1996
-	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻).	TCVN 6200:1996
-	Xác định hàm lượng chất hữu cơ.	TCVN 6186:2016
21	PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG	
-	Xác định hàm lượng chất khô; hàm lượng tro; tỷ trọng; độ PH; lượng nước trộn theo yêu cầu; cường độ chịu nén và chịu uốn của phụ gia hóa học.	TCVN 8826:2024
22	CÔNG HỘP VÀ CÔNG TRÒN	
-	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật; kích thước và độ sai lệch kích thước; khả năng chịu tải của đốt công, gối công; khả năng chống thấm công tròn, công hộp.	TCVN 9113:2012; TCVN 9116:2012; TCVN 10799:2015
23	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
-	Đo độ ẩm, độ chặt của đất bằng phương pháp dao đài.	TCVN 12791:2020
-	Độ ẩm; độ chặt; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát.	TCVN 8730:2012; TCVN 8729:2012
-	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m.	TCVN 8864:2011

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL 001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 7 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Xác định mô đun biến dạng nền đường tại hiện trường bằng tấm nén phẳng.	TCVN 9354:2012
-	Xác định mô đun đàn hồi, độ võng đàn hồi bằng phương pháp cần Benkelman.	TCVN 8861:2011 TCVN 8867:2025
-	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011
-	Phương pháp thử không phá hủy – Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông.	TCVN 9335:2012
-	Cọc – Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.	TCVN 9393:2012
-	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường.	TCVN 8821:2011; ASTM D4429:92
-	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng – Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền.	TCVN 9349:2012
-	Đo điện trở đất – Chống sét cho công trình xây dựng.	TCVN 9358:2012
-	Nhà cao tầng – Công tác trắc địa phục vụ thi công.	TCVN 9364:2024
-	Xác định độ lún bằng phương pháp đo cao hình học.	TCVN 9360:2024
-	Nhà và công trình xây dựng - Xác định chuyển vị ngang bằng phương pháp trắc địa.	TCVN 9399:2012
-	Thử không phá hủy – Phương tiện kiểm tra bằng mắt – Chọn kính phóng đại có độ phóng đại lớn (kiểm tra chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp)	TCVN 5879:2009
-	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu.	TCVN 12252:2020
24	VỮA XÂY DỰNG	
-	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; khối lượng thể tích của vữa tươi; khối lượng thể tích của mẫu vữa đóng rắn; cường độ uốn và nén của mẫu vữa đóng rắn; hệ số hút nước do mao dẫn của mẫu vữa đóng rắn.	TCVN 3121:2022
25	BENTONITE	
-	Khối lượng riêng; độ nhót phễu Marsh; hàm lượng cát; độ PH; độ dày áo sét; lượng tách nước; tỷ lệ keo; lực cắt tĩnh; độ ổn định.	TCVN 11893:2017
26	BÊ TÔNG NHỰA	
-	Vết hằn lún bánh xe của hỗn hợp bê tông nhựa nóng	TCVN 13899:2023; Quyết định số

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL 001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 7 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		1617/QĐ-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ GTVT
-	Xác định hỗn hợp bê tông nhựa – Thiết kế theo phương pháp Marshall.	TCVN 8820:2011
27	NHỰA VÀ NHỮ TƯƠNG	
-	Xác định hàm lượng Paraphin.	TCVN 7503:2005
-	Xác định độ nhót động lực học.	TCVN 7502:2005
28	BÊ TÔNG XI MĂNG	
-	Khả năng phản ứng kiềm - silic trong cốt liệu; Hàm lượng clorua trong cốt liệu và bê tông; hàm lượng sulfat, sulfit trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-14÷16:2006
29	ỐNG NHỰA HDPE – VẬT LIỆU TỪ NHỰA	
-	Thử kích thước và ngoại quan.	TCVN 6145:2007
-	Thử nén biến dạng, độ cứng, thử bền kéo.	TCVN 4502:2008; TCVN 7434:2004
-	Xác định độ bền với áp xuất bên trong.	TCVN 6149-3:2009
-	Xác định kích thước, thử chịu nén, kéo đứt ống nhựa gân xoắn.	TCVN 9070:2012; TCVN 11821:2017; TCVN 1182:2017
-	Xác định độ bền va đập bên ngoài.	TCVN 6144:2003
-	Xác định thay đổi kích thước theo chiều dọc ống nhựa nhiệt, dẻo.	TCVN 6148:2007
30	NGÓI LỢP	
-	Xác định kích thước; độ cong; tính cân đối hình dạng; độ thấm nước; lực uốn gãy; độ hút nước và khối lượng một mét vuông ngói ở trạng thái bão hòa nước.	TCVN 4313:2023
31	DÂY ĐIỆN DÂN DỤNG	
-	Đo chiều dày, kích thước, tính chất cơ lý và sức chống cháy của vỏ bọc cách điện.	TCVN 6614-1:2008; TCVN 5935:2013; TCVN 9618:2013
-	Đo điện trở cách điện.	TCVN 6610:2014; TVCN 6612:2007
-	Đo điện trở dẫn ruột dây điện dân dụng.	TCVN 6610:2014; TCVN 5935:2013
-	Đường kính và dung sai dây đồng.	TCVN 5933:1995
-	Điện trở cách điện 15-35 ⁰ C; ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của sợi đồng; ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của cách điện.	TCVN 8090:2009

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL 001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 7 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Xác định sức chống cháy của dây dẫn điện.	TCVN 6613:2010
32	BỘT BẢ TUỜNG	
-	Xác định cường độ bám dính; độ mịn; thời gian đông kết; độ giữ nước.	TCVN 7239:2014
33	KEO DÁN GẠCH, KEO CHÀ RON	
-	Xác định cường độ bám dính; cường độ uốn, nén trong điều kiện tiêu chuẩn; độ co ngót; độ hút nước.	TCVN 7899:2008
34	SƠN VÀ VECNI	
-	Xác định màu sắc theo phương pháp so sánh trực quan.	TCVN 2102:2008
-	Xác định độ mịn.	TCVN 2091:2015
-	Xác định độ phủ.	TCVN 2095:1993
-	Xác định độ cứng màng sơn – phép thử dao động tắt dần của con lắc.	TCVN 2098:2007
-	Xác định độ bám dính; độ rửa trôi.	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024
-	Xác định độ khô và thời gian khô.	TCVN 2096:2015
-	Tỷ trọng, khối lượng riêng.	TCVN 10237:2013
35	THỬ NGHIỆM SƠN EPOXY	
-	Xác định thời gian khô bề mặt; độ bền va đập.	TCVN 9014:2011
36	TẤM THẠCH CAO	
-	Xác định cường độ chịu uốn; Xác độ biến dạng ẩm; Xác định độ hút nước.	TCVN 8257-3-6:2023; TCVN 8256:2022
37	KÍNH XÂY DỰNG	
-	Kiểm tra kích thước hình học và ngoại quan; độ cong vênh; độ bền va đập bi rơi; độ bền va đập con lắc; thử phá vỡ mẫu kính; kiểm tra ứng suất bề mặt kính.	TCVN 7219:2018; TCVN 8260:2009; TCVN 7455:2013; TCVN 7364:2018
38	GỖ XÂY DỰNG	
-	Xác định khối lượng thể tích; thí nghiệm nén vuông góc với thớ; ứng suất kéo song song thớ; giới hạn bền uốn tĩnh; ứng suất cắt song song thớ; xác định độ ẩm.	TCVN 8048:2009
39	VÁN GỖ NHÂN TẠO	
-	Xác định kích thước; khối lượng thể tích; độ ẩm; độ bền uốn tĩnh; độ bền bề mặt; độ bền kéo vuông góc với mặt ván; độ bền ẩm.	TCVN 11904:2017; TCVN 11905:2017; TCVN 7756:2007; TCVN 12447:2018

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL 001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 7 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
40	TẤM TRẢI CHỐNG THẨM GỐC BITUM	
-	Xác định độ bền nhiệt; độ bền chọc thủng động.	TCVN 9067-2÷3:2012
41	SILICON XẮM KHE CHO KẾT CẤU XÂY DỰNG	
-	Xác định cường độ bám dính; độ cứng shore A; ảnh hưởng lão hóa nhiệt đến tổn hao khối lượng.	TCVN 8267-1÷4:2009
42	NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM ĐỊNH HÌNH	
-	Độ bền kéo; kích thước hình học.	TCVN 197:2014; TCVN 12513:2018
43	BĂNG CHẶN NƯỚC PVC	
-	Xác định sai lệch so với kích thước danh nghĩa; khối lượng riêng; cường độ chịu kéo; độ giãn dài khi đứt; độ bền hóa chất trong môi trường kiềm; độ bền bền hóa chất trong môi trường nước muối; độ cứng Shore A.	TCVN 4509:2020; TCVN 9407:2014; TCVN 1595:2017
44	TẤM XI MĂNG SỢI	
-	Kích thước hình học; cường độ chịu uốn; khả năng chống thấm nước; độ co giãn ẩm; độ bền chu kỳ nóng lạnh.	TCVN 8259:2009
45	INOX	
-	Kiểm tra kích thước; thử kéo và uốn.	TCVN 197:2014; TCVN 198:2008
46	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT VÀ BẮC THẨM	
-	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật; lực xe rách hình thang; lực kháng xuyên thủng thanh; khả năng chống xuyên (CBR); áp lực kháng bức.	TCVN 8871-1÷5:2011; BS EN 6906 P4:97; ASTM D6241:99; ASTM D3786:01
-	Xác định độ dày.	TCVN 8220:2011
-	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích.	TCVN 8221:2011
-	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài.	TCVN 8485:2011
-	Xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt.	TCVN 8486:2011
-	Xác định sức bền kháng chọc thủng bằng phép thử rơi côn.	TCVN 8484:2010
-	Xác định hệ số thấm đơn vị.	TCVN 8847:2010; ASTM D4491:99
-	Xác định độ dẫn nước.	TCVN 8483:2010
47	CỌC BÊ TÔNG ỨNG LỰC	
-	Kích thước, ngoại quan và khuyết tật; độ bền uốn nứt thân cọc; độ bền uốn gãy thân cọc; độ bền uốn mối nối; thử uốn tới lực nén dọc trục; khả năng bền cắt thân cọc.	TCVN 7888:2014; TCVN 9344:2012; TCVN 9394:2012

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL 001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 7 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
48	CỘT ĐIỆN LY TÂM	
-	Kiểm tra kích thước và mức sai lệch kích thước; ngoại quan và các khuyết tật.	TCVN 5847:2016
49	THÍ NGHIỆM SƠN KẼ ĐƯỜNG	
-	Phương pháp xác định chất tạo màng; Phân loại cỡ hạt và xác định hàm lượng hạt thủy tinh; Xác định độ phát sáng; độ bền nhiệt của sơn vạch đường nhiệt dẻo; độ mài mòn của sơn vạch đường nhiệt dẻo; độ kháng cháy; khối lượng riêng; độ chống trượt; độ phản quang; chiều dày màng sơn; các chỉ tiêu thử nghiệm tại hiện trường; điểm chảy mềm.	TCVN 8791:2018
50	THỬ NGHIỆM MÀNG PHẢN QUANG	
-	Xác định hệ số phản quang; độ bền thời tiết; màu sắc ban ngày; độ bền màu; độ co ngót; độ bền uốn; khả năng tách lớp lót; độ dính bám; độ bền va đập; màu sắc ban đêm.	TCVN 7887:2018
51	CÁT NGHIỆN CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
-	Thành phần hạt; Hàm lượng hạt trên sàng 5mm; Hàm lượng hạt lọt sàng 0.075mm; Hàm lượng bụi, bùn, sét; xác định hàm lượng ion cl-; khả năng phản ứng kiềm silic.	TCVN 9205:2012; TCVN 7572:2006
52	NẮP HỐ GA, SONG CHẮN RÁC	
-	Xác định kích thước hình học; khả năng chịu tải.	TCVN 10333:2014
53	GÓI CỐNG BÊ TÔNG ĐÚC SẴN	
-	Kích thước hình học; khuyết tật ngoại quan; khả năng chịu tải.	TCVN 10799:2015
54	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CỦA HỖN HỢP CÀO BÓC TÁI SINH NGUỘI SỬ DỤNG BITUM BỌT XI MĂNG VÀ NHỮ TƯƠNG	
-	Cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính.	TCVN 8862:2011; ASTM 6931
55	ĐẤT, ĐÁ, CÁT GIA CỐ CHẤT KẾT DÍNH XI MĂNG	
-	Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô.	TCVN 8858:2023
-	Độ chặt đầm nén Protor.	TCVN 12790:2020
-	Cường độ kháng ép.	TCVN 3118:2022; 22TCN 59:1984

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL 001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 7 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Cường độ chịu kéo khi ép chẻ.	TCVN 8862:2011
-	Mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường.	TCVN 8861:2011;TCVN 9843:2013
-	Độ ổn định với nước và nhiệt độ.	22TCN 59:1984
-	Xác định sức kháng nén của mẫu đất - xi măng.	TCVN 9403:2012
56	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
-	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông.	TCVN 9356:2012
-	Trắc đạt công trình xây dựng.	TCVN 9398:2012
-	Cáp ứng lực trước (cường độ; độ giãn dài; độ neo tụ; mô đun đàn hồi).	TCVN 10952; ASTM A370:1996
-	Thí nghiệm xuyên động (DCP).	TCVN 10272:2014; ASTM D1586:1992
-	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT).	22TCN 355:2006; TCVN 10184:2021
-	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT).	TCVN 9351:2012
-	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm.	TCVN 9357:2012
-	Thử kéo, nhổ neo thép cấy hiện trường.	TCVN 197:2014; ASTM D4435:1998
-	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đồ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường.	TCVN 8731:2012
-	Xác định thấm nước của đá bằng phương pháp thí nghiệm ép nước vào lỗ khoan.	TCVN 9149:2024
-	Thử tải giàn giáo.	TCVN 13662:2023; TCVN 6052:1995
